

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2025/HC-PT

Ngày: 10/09/2025

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Thường

- *Các Thẩm phán:* Ông Phùng Anh Dũng

Ông Trần Đức Kiên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Hoàng, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Công tố và kiểm soát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 83/2025/TLPT-HC ngày 04 tháng 8 năm 2025 về “*Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2025/HC-ST ngày 23/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 510A/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn X, xã N, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T: ông Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn X, xã N, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Văn N – Chi nhánh Công ty Luật Trung Tín đoàn Luật sư thành phố Đ; có mặt.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thiều Hiền M, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Phước N1, chuyên viên phòng kinh tế xã N, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn X, xã X, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T1:

+ Ông Đào Duy K, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn N, xã H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

+ Ông Nguyễn Thanh C2, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ A, thôn P, xã T, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn X, xã N, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C3: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn X, xã N, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

3. Ông Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1988;

4. Ông Nguyễn Ngọc C4, sinh năm 1990;

5. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: thôn X, xã N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông C4, ông H: Ông Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn X, xã N, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Diễm L, sinh năm 1991; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.

8. Ban quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp T; địa chỉ: đường L, phường Q, thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn V – Chuyên viên phòng tài nguyên môi trường xã N, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các phiên đối thoại và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày nội dung khởi kiện:

Vào năm 2008, hộ gia đình ông T - do ông Nguyễn L1 (đã chết năm 2019) đứng tên chủ hộ thuộc diện giải phóng mặt bằng xây dựng Khu phi thuế quan, giai đoạn I tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Theo đó, Nhà nước đã thu hồi của hộ gia đình ông 300m² đất và bố trí lại cho hộ gia đình 01 lô đất tái định cư theo Danh sách kèm theo Biên bản bố trí đất tái định cư (Viết tắt. TĐC) ngày 05/5/2008 là lô A3-9 tại khu tái định cư T, thị trấn N.

Tuy nhiên, sau đó do lô đất nói trên đã bố trí cho người khác nên ngày 31/10/2008, UBND huyện N có Thông báo số 381/TB-UBND bố trí Lô đất số A5-36 Khu TĐC Tam Quang II (giai đoạn 1), thị trấn N để hộ ông Nguyễn L1 (hộ gia đình) lập thủ tục giao đất, nhận đất làm nhà ở tái định cư.

Thế nhưng, ông T không hiểu vì sao ngày 19/12/2008 UBND huyện N lại ban hành Quyết định số 9455/QĐ-UBND giao lô đất số A5-36 (thửa đất số 120), tờ bản đồ số 12, diện tích 175m² và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSDĐ) số AN 638098 cho cá nhân ông Nguyễn L1 đứng tên chủ sử dụng đất. Sau đó, UBND huyện N lại giao GCNQSDĐ nêu trên cho cá nhân bà Nguyễn Thị T1 nhận vào ngày 23/9/2014. Tại thời điểm UBND huyện N giao đất tái định cư (năm 2008) và thời điểm bà T1 nhận GCNQSDĐ của lô đất tái định cư nêu trên (năm 2014) bà T1 không còn là thành viên trong hộ gia đình ông T.

Việc giao đất, cấp GCNQSDĐ cho cá nhân ông Nguyễn L1 cũng như việc giao GCNQSDĐ nêu trên cho bà Nguyễn Thị T1, vợ chồng ông không hề hay biết.

Đến ngày 22/4/2024, gia đình ông liên hệ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện N sao lục hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với lô đất TĐC của hộ gia đình ông, thì Chi nhánh sao lục các hồ sơ liên quan ông mới được biết Quyết định số 9455/QĐ-UBND, GCNQSDĐ số AN 638098 và việc giao GCNQSDĐ nêu trên cho bà T1.

Qua tìm hiểu, ông T còn được biết hiện nay thửa đất nêu trên cũng đã được bà Nguyễn Thị T1 hợp thức hóa các thủ tục để chuyển nhượng cho người khác, nhưng cho đến nay ông chưa tiếp cận được các hồ sơ chuyển nhượng này.

Nhận thấy, việc UBND huyện N ban hành Quyết định số 9455/QĐ- UBND ngày 19/12/2008 giao đất, cấp GCNQSDĐ cho cá nhân ông Nguyễn Lập L2 trái pháp luật, không đúng với Thông báo số 381/TB-UBND ngày 31/10/2008 của UBND huyện N, không đúng đối tượng được giao lại đất TĐC và được cấp GCNQSDĐ; làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông.

Đồng thời, sau đó ngày 23/9/2014, UBND huyện N còn giao GCNQSDĐ nêu trên cho bà Nguyễn Thị T1 cũng không đúng đối tượng, trái pháp luật, tạo điều kiện để bà T1 lấy giấy này hợp thức hóa các thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên cho người khác gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông .

Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình, sau khi sao lục tại Chi nhánh VPĐK đất đai Núi Thành biết được quyết định nêu trên, ông T đã có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 9455/QĐ-UBND ngày 19/12/2008 về việc thu hồi đất, giao đất và cấp GCNQSDĐ ở cho các hộ được bố trí Khu tái định cư T, tại thị trấn N (giai đoạn 1); GCNQSDĐ số AN 638098 do UBND huyện N cấp ngày 19/12/2008 và việc giao GCNQSDĐ nêu trên cho bà Nguyễn Thị T1 là không đúng đối tượng, trái pháp luật.

Ngày 25/4/2024, ông **Lê Văn Đ** - Cán bộ Bộ phận một cửa đã viết biên nhận nhận đơn khiếu nại của ông nhưng cho đến nay đã quá thời hạn giải quyết khiếu nại nhưng **UBND huyện N** vẫn không chịu thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông.

Do vậy, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp, ông **T** khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Quảng Nam giải quyết:

+ Hủy Quyết định số 9455/QĐ-UBND ngày 19/12/2008 của **Ủy ban nhân dân huyện N** về việc thu hồi, giao đất và cấp GCNQSDĐ ở cho các hộ được bố trí **Khu tái định cư T, thị trấn N** (giai đoạn 1);

+ Hủy GCNQSDĐ số AN 638098 của **UBND huyện N** cấp ngày 19/12/2008 đối với diện tích 175m², thửa đất số 120, tờ bản đồ số 12 cấp cho hộ ông **Nguyễn L1** tại **khu tái định cư T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam**;

+ Buộc **UBND huyện N** cấp lại GCNQSDĐ cho hộ ông **Nguyễn L1** đối với diện tích đất 175m², thửa đất số 120, tờ bản đồ số 12 tại **khu tái định cư T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam** theo đúng quy định của pháp luật.

+ Hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 261245 đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 12, diện tích 175m² do **Ủy ban nhân dân huyện N** cấp ngày 25/11/2015 cho bà **Nguyễn Thị T1**.

+ Hủy phân chính lý biên động ngày 26/3/2024 tại GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 261245 đối với nội dung thay đổi chuyển nhượng cho ông **Nguyễn Văn T** và bà **Nguyễn Thị Diễm L**.

Tại văn bản nêu ý kiến, người đại diện uỷ quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N trình bày:

Trên cơ sở Quyết định số 213/QĐ-KTM ngày 02/8/2006 của **Ban Q, UBND huyện N** ban hành Thông báo số 381/TB-UBND ngày 31/10/2008 về việc bố trí đất ở và hỗ trợ tiền sử dụng đất TĐC hộ ông **Nguyễn L1** để giải phóng mặt bằng xây dựng Khu phi địa quan, giai đoạn 1 - 10, theo đó, bố trí đất số A5-36 Khu TĐC Tam Quang II (giai đoạn 1), **thị trấn N** để hộ ông **Nguyễn L1** làm nhà ở tái định cư.

Ngày 19/12/2008, **UBND huyện N** ban hành Quyết định số 9455/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, đất giao và cấp GCNQSDĐ cho các hộ được bố trí **Khu tái định cư T, thị trấn N** (giai đoạn 1); theo đó, thu hồi lô đất số A5-36 (thửa đất số 120), tờ bản đồ số 12, diện tích 175m², loại đất quy hoạch đất ở đô thị do **UBND thị trấn N** quản lý, đồng thời giao diện tích trên và cấp GCNQSDĐ số AN 638098 cho ông **Nguyễn L1** sử dụng vào mục đích đất ở đô thị.

Ngày 23/9/2014, ông **Nguyễn L1** nộp tiền sử dụng đất. Cùng ngày, bà **Nguyễn Thị T1** (con gái ông **Nguyễn L1**) đã nhận GCNQSDĐ số AN 638098.

Năm 2015, ông **Nguyễn L1** tặng quyền sử dụng đất cho bà **Nguyễn Thị T1** và được giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 25/11/2015, **UBND huyện N** cấp GCNQSDĐ số CB 261245 tại lô đất số A5-36 (thửa đất số 120), tờ bản đồ số 12, diện tích 175m², loại đất ở đô thị cho bà **Nguyễn Thị T1**.

Năm 2024, bà Nguyễn Thị T1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Diễm L và được giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Ngọc C4, Nguyễn Ngọc H - ông Nguyễn Văn C5 trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày của người đại diện theo uỷ quyền – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Bà Nguyễn Thị T1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Thị T2 trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Công trình B: Thừa đất 484, bản thân bà cũng như ông Nguyễn Văn T không liên quan, nên khi Nhà nước thu hồi đền bù và tái định cư cho cha bà là ông Nguyễn Lập L2 đúng. Khi cha bà còn sống ông T, bà N2 (vợ ông T) và các con ông T không có ý kiến gì, vì thực chất toàn bộ tiền đền bù của cha bà Nguyễn L1, nhưng ông T, bà N2 và các con nhận về không giao lại cho ông L1, nên không dám có ý kiến gì về đất tái định cư, đề nghị Toà giải quyết công bằng.

Tại văn bản nêu ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Diễm L trình bày: Ông T, bà L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T1 hợp pháp theo pháp luật, không có ai tranh chấp. Hiện nay thửa đất đã chính lý sang tên vợ chồng ông T, bà L. Ông T, bà L đang làm thủ tục thế chấp ở ngân hàng để vay tiền. Ông T, bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản nêu ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp T trình bày: Ban quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp T không nêu ý kiến về nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, vì việc giao đất là thẩm quyền của UBND.

Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2025/HC-ST ngày 23/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc:

+ Hủy Quyết định số 9455/QĐ-UBND ngày 19/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi, giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho các hộ được bố trí Khu tái định cư T, thị trấn N (giai đoạn 1);

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 638098 của UBND huyện N cấp ngày 19/12/2008 đối với diện tích 175m², thửa đất số 120, tờ bản đồ số 12 cấp cho hộ ông Nguyễn L1 tại khu tái định cư T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

+ Buộc UBND huyện N cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn L1 đối với diện tích đất 175m², thửa đất số 120, tờ bản đồ số 12 tại khu tái định cư T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 261245 đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 12, diện tích 175m² do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 25/11/2015 cho bà Nguyễn Thị T1.

+ Hủy phần chỉnh lý biên động ngày 26/3/2024 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 261245 đối với nội dung thay đổi chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Diễm L.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/6/2025, ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện công tố và kiểm soát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ngày 02/8/2006, Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, thuộc UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số: 213/QĐ-KTM về việc phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng, hỗ trợ kinh phí tái định cư Khu phi thuế quan (đợt 10- giai đoạn 1). Để ban hành Quyết định này, Ban Q đã thực hiện các thủ tục đã lập các thủ tục như lập Bảng xác nhận diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lao động sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng, số nhân khẩu phương án bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng; danh sách các hộ đề nghị tái định cư, Bảng tính kinh phí hỗ trợ thuê nhà. Ngày 31/10/2008, UBND huyện N ban hành Thông báo số 381/TB- UBND về việc bố trí đất ở và hỗ trợ tiền sử dụng đất ở tái định cư hộ ông Nguyễn L1 để giải phóng mặt bằng xây dựng Khu phi thuế quan, giai đoạn 1- đợt 10, theo đó hộ ông Nguyễn L1 được bố trí lô đất số A5-36 Khu T, thị trấn N để làm nhà ở tái định cư, trong khi đó tại thời điểm này hộ ông L1 có các thành viên đã được công an huyện N xác nhận.

[2] Ngày 20/11/2008, ông Nguyễn L1 làm đơn xin giao đất để làm nhà ở, xét đơn xin giao đất của ông Nguyễn L1, ngày 19/12/2008 UBND huyện N ban hành Quyết định số 9455/QĐ-UBND có nội dung: theo Thông báo số 381/TB-UBND ngày 31/10/2008 của UBND huyện N, giao diện tích đất 175m², lô A5-36 (thửa đất số 120) tờ bản đồ số 12, loại đất quy hoạch đất ở đô thị do UBND thị

trần N quản lý cho ông Nguyễn L1 sử dụng vào mục đích đất ở đô thị. Đến ngày 23/9/2014, ông Nguyễn L1 mới nộp tiền sử dụng đất để được nhận GCNQSDĐ, cùng ngày, bà Nguyễn Thị T1 (con gái ông Nguyễn L1 được uỷ quyền) đã nhận GCNQSDĐ số AN 638098.

[3] Như vậy, Quyết định số 9455/QĐ-UBND ngày 19/12/2008 của UBND huyện N giao đất và cấp GCNQSDĐ số AN 638098 ngày 19/12/2008 cho cá nhân ông Nguyễn Lập L2 không đúng mà lẽ ra phải cấp hộ ông Nguyễn L1 mới đúng quy định pháp luật về đất đai theo Thông báo số 381/TB-UBND ngày 31/10/2008 của UBND huyện N đã ban hành.

[4] Nhưng sau khi được UBND huyện N 175m² đất ở đô thị tại thửa đất 120, tờ bản đồ 12, địa chỉ thửa đất (lô A) Khu Tái định cư T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo GCNQSDĐ số AN 638098 ngày 19/12/2008 cho cá nhân ông L1. Ngày 04/9/2015, ông Nguyễn L1 xác lập hợp đồng tặng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T1. Ngày 25/11/2015, UBND huyện N cấp GCNQSDĐ số CB 261245 tại lô đất số A5-36 (thửa đất số 120), tờ bản đồ số 12, diện tích 175m², loại đất ở đô thị cho bà Nguyễn Thị T1. Ngày 22/3/2024, bà Nguyễn Thị T1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Diễm L đã giao nhận tiền và đất xong được Văn phòng đăng ký đất đai huyện N chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Diễm L vào ngày 26/3/2024. Như vậy theo quy định Điều 133 Bộ luật Dân sự quy định về bảo vệ người thứ ba ngay tình nên không hủy quyết định giao đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng tặng cho giữa ông L1 với bà T1 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T1 với vợ chồng ông T, bà L; nội dung chỉnh lý biến động ngày 26/3/2024 tại GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 261245 đối với nội dung thay đổi chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Diễm L. Do đó, ông T có quyền khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp tài sản chung giao cho hộ ông L1 theo giá trị nếu có yêu cầu.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận kháng cáo của ông T về việc đất tái cư định cư phải cấp cho hộ ông L1 và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 261245 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 25/11/2015 cho bà Nguyễn Thị T1 và nội dung chỉnh lý biến động ngày 26/3/2024 tại GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 261245 đối với nội dung thay đổi chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Diễm L.

[6] Theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án thì ông T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 133 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông **Nguyễn Văn T** và sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2025/HC-ST ngày 23/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về phần nhận định Bản án còn phần quyết định của Bản án giữ nguyên.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: **H1** lại cho ông **Nguyễn Văn T** phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000411 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VCT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường